

Bản án số: 120/2025/HS-ST
Ngày 29-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Quý

Bà Nguyễn Thuý Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Trường trung học phổ thông Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2025, đối với:

- Bị cáo:

Hoàng Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 12 năm 2000 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020300002836, cấp ngày 15-11-2021, nơi cấp: Cục C1 - Bộ C2; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Q (đã chết) và bà Đào Thị C; chồng: Hoàng Văn T1; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 30-5-2025, bị tạm giam từ ngày 05-6-2025 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Hoàng Thuý L, sinh năm 1993; căn cước công dân số: 020193008948, cấp ngày 20-8-2021, nơi cấp: Cục C1 - Bộ C2; nơi cư trú: Thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1991; căn cước công dân số: 020191008884, cấp ngày 09-5-2021, nơi cấp: Cục C1 - Bộ C2; nơi cư trú: Thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Hương Thị Y, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 020192008780, cấp ngày 20-8-2021, nơi cấp: Cục C1 - Bộ C2; nơi cư trú: Thôn

H, xã H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Chi Vi Hoài T3, sinh năm 2001; căn cước công dân số: 020301008044, cấp ngày 22-11-2021, nơi cấp: Cục C1 - Bộ C2; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Anh Đoàn Anh V, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại* Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y: Ông Tạ Ngọc V1 - Luật sư Văn phòng S1 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số H, đường H, phường H, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1997; căn cước công dân số: 020097004797, cấp ngày 09-5-2021, nơi cấp: Cục C1 - Bộ C2; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03 năm 2023, Hoàng Thị T và Hoàng Văn T1 được Hoàng Huy H, sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn M, xã T, tỉnh Lạng Sơn) giới thiệu đi sang Thái Lan để lao động làm thuê kiếm sống. Khi sang đến Công ty được H giới thiệu thì Hoàng Thị T và Hoàng Văn T1 thấy Công ty này là của người Trung Quốc làm chủ đồng thời Công ty đang nằm ở đất nước M không phải là Thái Lan. Ban đầu, Hoàng Thị T được học làm quen với máy tính, sau đó một tuần được phát cho 02 (hai) chiếc điện thoại, trong mỗi điện thoại đã có sẵn tài khoản Facebook “ảo” do Công ty chuẩn bị cho trước. Hoàng Thị T có nhiệm vụ phải xây dựng hình ảnh tài khoản bằng cách đăng bài viết, kết bạn với các tài khoản Facebook khác để tăng sự liên kết, tương tác trong ứng dụng mạng xã hội Facebook. Lúc này, Hoàng Thị T nhận ra mục đích công việc trên để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Hoàng Thị T được Lãnh người quản lý nhân sự của Công ty cho biết hàng tháng phải tuyển được thêm nhân viên mới là người Việt Nam sang làm cho Công ty, nếu không hoàn thành chỉ tiêu 03 người/tháng sẽ bị Công ty trừ dần vào lương 18.000.000 đồng/tháng, còn nếu đạt chỉ tiêu sẽ được trả thêm một khoản tiền khác ngoài lương.

Do cần tiền để trả nợ, nên Hoàng Thị T đã sử dụng thông tin tuyển dụng về nhân sự mà Công ty đã chuẩn bị kịch bản sẵn từ trước như: “cần tuyển lao động tại Thái Lan, làm việc liên quan đến App game, S, L1, chăm sóc khách hàng, lương được 18.000.000 đồng/tháng, được lo mọi chi phí đi lại, nếu không làm được sẽ đưa về Việt Nam miễn phí” rồi sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook “ảo” của Công ty đã lập đăng bài tuyển dụng nhân sự với mục đích lừa gạt đưa người khác sang làm việc tại Công ty để được hưởng lợi, nhưng không thấy có người liên hệ tìm việc. Thấy vậy, Hoàng Thị T đã sử dụng tài khoản Facebook thật của mình là “Hg Thị T4” đã sử dụng từ lâu, có nhiều mối

quan hệ bạn bè để đăng bài viết theo nội dung mà Công ty đã chuẩn bị để tuyển dụng người sang làm việc. Sau khi đăng bài được khoảng 02 đến 03 ngày thì thấy Hoàng Thúy L liên hệ. Qua trao đổi với Hoàng Thị T thì Hoàng Thúy L tin tưởng và rủ thêm bạn là Hoàng Thị T2, Hương Thị Y cùng nhau đi làm thuê. Để Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y tin tưởng, Hoàng Thị T sử dụng Zalo “Mẫu” lập nhóm, tư vấn thêm cho mọi người và đưa ra các thông tin như: “công việc hợp pháp tại Thái Lan, sếp công ty H1, công việc nhàn và lương của T là 36 triệu đồng, lương nếu làm ở bộ phận nhân sự sẽ được khoảng 70 đến 80 triệu đồng, được lo toàn bộ chi phí, nếu không làm được vẫn sẽ được lương chính là 18 triệu đồng...”. Tiếp đó, Hoàng Thị T nói với Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y đã gửi thông tin của mọi người cho phía quản lý nhân sự của Công ty T5 đang làm để hướng dẫn làm thủ tục, tư vấn thêm về việc làm. Hoàng Thị T sử dụng tài khoản Zalo tên “Dương Thị Kim A” là tài khoản “ảo” của Công ty đã chuẩn bị cho từ trước đóng giả là quản lý nhân sự của Công ty mời L, T2 và Y vào nhóm ứng dụng Zalo. Lúc này, Hoàng Thị T sử dụng tài khoản Zalo “Dương Thị Kim A” đưa ra các thông tin nhằm dụ dỗ, tạo lòng tin với L, T2 và Y như: “còn nhiều ưu đãi khác nữa, việc dễ ai cũng làm được, nếu làm tốt lương cao hơn nữa và nếu không làm được thì vẫn được lương 18 triệu đồng...” nên L, T2 và Y đã đồng ý. Sau khi làm xong hộ chiếu, giấy khám sức khỏe L, T2 và Y được hướng dẫn đi ra sân bay N - Hà Nội (Công ty đã đặt trước cho vé máy bay) để bay sang B - Thái Lan rồi được người của Công ty sử dụng ô tô đón.

Khi đến Công ty, Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y vẫn nghĩ là mình đang ở Thái Lan. Sau đó Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y được người của Công ty dẫn lên phòng làm việc gặp người phụ nữ tên L2 là quản lý nhân sự của Công ty và một người nam giới tên D (người Việt Nam, không rõ tên tuổi, địa chỉ) tự giới thiệu là tổ trưởng nhân sự của L, T2 và Y hướng dẫn ký Hợp đồng lao động. Tuy nhiên, L2 yêu cầu mọi người phải ký luôn mà không được đọc, chỉnh sửa nội dung trong hợp đồng và đề nghị mọi người đưa hộ chiếu với lý do đi làm visa lao động hợp pháp. Lúc này, Hoàng Thị T cũng ở đó nên Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y tin tưởng giao hộ chiếu cho L2. Sau đó L, T2 và Y được L2 hướng dẫn làm quen với máy tính rồi phát cho mỗi người 02 chiếc điện thoại di động, đã được cài đặt sẵn các tài khoản Facebook, Z “ảo” và yêu cầu L, T2 và Y đăng bài tuyển dụng người Việt Nam sang Công ty để lao động. Làm việc được khoảng 10 ngày, Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y phát hiện ra công việc mình đang làm là lừa đảo và đang ở đất nước M không phải Thái Lan, không đúng với các thông tin T đã nói với mọi người trước đó. Nên L, T2 và Y muốn về Việt Nam nhưng L2 cho biết không về được, nếu mọi người muốn về thì mỗi người phải nộp tiền phạt là 100.000 Baht tiền Thái Lan, tương đương với khoảng 73.000.000 đồng tiền Việt Nam. Do không có tiền nên L, T2 và Y liên hệ với gia đình ở Việt Nam để gửi tiền sang nộp cho Công ty, sau đó mới được trả hộ chiếu để đi về Việt Nam.

Sau khi lừa gạt được Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y sang làm việc, Hoàng Thị T được Công ty thông qua L2 trả cho số tiền được hưởng là

9.000.000 đồng, số tiền này được Công ty thông qua Lãnh trả T bằng tiền B Thái Lan, T đã đổi lấy tiền Việt Nam với Công ty và được chuyển vào tài khoản ngân hàng của T cộng với lương tháng 4-2023.

Quá trình làm việc tại Công ty, Hoàng Văn T1 cũng được Công ty H2 sử dụng Facebook “ảo” của Công ty chuẩn bị sẵn từ trước đăng bài để tuyển dụng người sang làm việc nhưng T1 không tuyển dụng được ai. Tuy nhiên, hàng tháng Hoàng Văn T1 vẫn được Công ty trả lương cho số tiền là khoảng 18.000.000 đồng do đã thực hiện nhiệm vụ đăng bài tuyển dụng nhân sự, bài quảng cáo game online mà Công ty giao. Đến giữa tháng 6-2023, do Hoàng Thị T không tuyển dụng được người sang Công ty làm việc, thấy công việc không hiệu quả Hoàng Thị T và Hoàng Văn T1 muốn xin về Việt Nam. Lãnh yêu cầu phải nộp số tiền phạt là 45.000.000 đồng/người thì mới cho về. Vì vậy, Hoàng Thị T đã liên hệ với mẹ đẻ là bà Đào Thị C chuyển cho số tiền 45.000.000 đồng cộng với số tiền của Hoàng Văn T1 là 45.000.000 đồng, nộp vào Công ty rồi lấy lại hộ chiếu, Hoàng Thị T và Hoàng Văn T1 đi về Việt Nam.

Do bị lừa đi nước ngoài lao động và bị mất tiền nên sau khi về Việt Nam Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2 và Hương Thị Y đã tố cáo Hoàng Thị T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, xác định vào tháng 4-2023 Hoàng Thị T biết chị Vi Hoài T3 sinh năm 2001, trú tại thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn P, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) đang tìm việc làm. Nên Hoàng Thị T tiếp tục đưa ra các thông tin lừa gạt giống nhóm Hoàng Thúy L. Do tin tưởng Hoàng Thị T nên chị Vi Hoài T3 đã rủ thêm người yêu là Đoàn Anh V sinh năm 1992, trú tại xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên đi cùng, V đồng ý. Vi Hoài T3 và Đoàn Anh V cũng được Hoàng Thị T hướng dẫn làm hộ chiếu, giấy khám sức khỏe và chuẩn bị các đồ dùng cá nhân. Đến ngày 27-4-2023, theo hướng dẫn của Hoàng Thị T, Vi Hoài T3 và Đoàn Anh V xuống sân bay N - Hà Nội. Khi đến sân bay, Vi Hoài T3 và Đoàn Anh V gặp một người nam giới (không rõ tên tuổi, địa chỉ) giới thiệu là người của Công ty, lúc này T3 và V thấy có thêm 03 người thanh niên (không rõ tên tuổi, địa chỉ) cùng đi sang Thái Lan. Khi sang đến B - Thái Lan, T3 và V được người của Công ty sử dụng ô tô đến đón rồi đưa sang đất nước M. Sau khi đến Công ty, T3 và V gặp một người Việt Nam tên là L2 giới thiệu là quản lý nhân sự của Công ty cho ký hợp đồng, giữ lại hộ chiếu của hai người với lý do để làm visa lao động rồi bố trí cho làm ở bộ phận tuyển dụng nhân sự và được L2 phát cho mỗi người 02 chiếc điện thoại đã cài đặt sẵn tài khoản Facebook, Z “ảo” và giao nhiệm vụ cho T3, V tuyển người Việt Nam sang Công ty làm việc, đồng thời yêu cầu T3 và V mỗi tháng phải tuyển được 03 người thì mỗi người sẽ được trả khoảng 35.000.000 đồng đến 36.000.000 đồng, còn nếu không đạt chỉ tiêu thì chỉ được hưởng lương là 18.000.000 đồng/người và còn bị trừ dần vào tiền lương hàng tháng. Lúc này, T3 và V biết đã bị T lừa và dụ dỗ sang đây để đưa vào Công ty hoạt động lừa đảo trực tuyến qua mạng. Vì thế, Vi Hoài T3 và Đoàn Anh V không muốn làm và muốn đi về Việt Nam thì L2 cho biết muốn về thì mỗi người phải nộp phạt số tiền là

86.000.000 đồng. T3 và V đã liên lạc với gia đình gửi tiền sang nộp vào Công ty, đến ngày 17-6-2023 mới được trả hộ chiếu thì T3 và Vũ đi về Việt Nam.

Đối với việc tuyển dụng Vi Hoài T3 và Đoàn Anh V sang Công ty làm việc, Hoàng Thị T khai nhận được Công ty thông qua Lãnh trả cho số tiền B Thái Lan tương đương 6.000.000 đồng tiền Việt Nam.

Cơ quan điều tra có thu giữ 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu vàng, đã qua sử dụng của bị cáo Hoàng Thị T.

Các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y yêu cầu bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường cho mỗi người số tiền 80.000.000 đồng. Bị hại Vi Hoài T3 yêu cầu bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường số tiền 86.000.000 đồng. Bị hại Đoàn Anh V không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSLS-P2 ngày 25-11-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội “Mua bán người” theo các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Thị T và các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y và Vi Hoài T3 đã tự thoả thuận được với nhau về số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho mỗi bị hại. Theo như sự thoả thuận thì bị cáo Hoàng Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y và Vi Hoài T3 với số tiền là 30.000.000 đồng/người. Bị cáo Hoàng Thị T phải trả lãi nếu chậm trả tiền, mức lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình năm 2015. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Mua bán người”. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 10 (mười) năm tù đến 11 (mười một) năm tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản. Về bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, công nhận sự thoả thuận về bồi thường dân sự giữa bị cáo Hoàng Thị T và các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y và Vi Hoài T3. Không xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với bị hại Đoàn Anh V. Do bị hại Đoàn Anh V không yêu cầu bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, đề nghị: Truy thu số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu vàng, đã qua sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận Bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Mua bán người” là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với Luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2 và Hương Thị Y đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thoả thuận về bồi thường dân sự giữa bị cáo và các bị hại, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận đối với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại anh Đoàn Anh V vắng mặt. Tuy nhiên, anh Đoàn Anh V đã có đơn xin xét xử vắng mặt và việc vắng mặt của anh V không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, bị cáo, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đều đề nghị xét xử vụ án vắng mặt anh Đoàn Anh V. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đoàn Anh V theo quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Hoàng Thị T là người thực hiện hành vi mua bán người. Bị cáo đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi mua bán người, mỗi lần đều mua bán từ 02 (hai) người trở lên và đều đưa các nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán người” theo quy định của các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, có đủ căn cứ kết tội bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Mua bán người” theo quy định của các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức hành vi mua bán người là vi phạm pháp luật. Nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo. Nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định của điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được coi là có nhân thân tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về bồi thường dân sự:

[10.1.] Bị hại Đoàn Anh V không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo đối với bị hại Đoàn Anh V.

[10.2.] Bị cáo Hoàng Thị T và các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y và Vi Hoài T3 đã tự thoả thuận được với nhau về số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho mỗi bị hại. Bị cáo Hoàng Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y và Vi Hoài T3 với số tiền là 30.000.000 đồng/người. Bị cáo Hoàng Thị T phải trả lãi nếu chậm trả tiền, mức lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật. Nội dung thoả thuận giữa bị cáo Hoàng Thị T và các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y và Vi Hoài T3 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Hoàng Thị T và các bị hại Hoàng Thúy L, Hoàng Thị T2, Hương Thị Y, Vi Hoài T3 theo quy định của pháp luật.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max, màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần được trả lại cho bị cáo. Đối với số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội và đã sử dụng hết nên cần truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[13] Đối với Hoàng Huy H đã bị xử lý trách nhiệm hình sự trong vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[14] Đối với người tên L2, tên D, người đưa đón các bị hại do Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[15] Hành vi của Hoàng Văn T1, Đào Thị C không phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[16] Những ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Mua bán người”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 30 tháng 5 năm 2025.
3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Thị T.

4. Về bồi thường dân sự:

Công nhận sự thoả thuận về việc bồi thường dân sự giữa bị cáo Hoàng Thị T và các bị hại gồm chị Hoàng Thúy L, chị Hoàng Thị T2, chị Hương Thị Y, chị Vi Hoài T3, cụ thể:

Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho bị hại là chị Hoàng Thúy L.

Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho bị hại là chị Hoàng Thị T2.

Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho bị hại là chị Hương Thị Y.

Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho bị hại là chị Vi Hoài T3.

5. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

5.1. Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Pro Max, màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp sim thuê bao 0843258555.

(Vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Lạng Sơn).

5.2. Truy thu số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) do bị cáo Hoàng Thị T thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Thị T phải chịu tổng số tiền án phí là 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- UBND xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp